SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG

TRƯỜNG THPT THUỴ HƯƠNG

BẢNG KẾT QUẢ KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐỊA	CN	TIN	VĂN	SỬ	KTPL	Toán	TA	HĐTN	GDĐP	TỔNG	XH
1	000793	Nguyễn Tuấn	Anh	09/04/2007	10C4	8.75	7.5	9	8	7.5	9	4.3	7.75	Đ	Đ	61.8	31
2	000796	Phạm Thị	Anh	08/01/2007	10C4	8.3	7.5	8.75	7.5	6.5	8.5	7.7	4.6	Đ	Đ	59.35	37
3	000806	Vũ Tuấn	Anh	05/12/2007	10C4	6.75	7.5	7	5.75	2.5	6.75	3.5	4.5	Đ	Đ	44.25	46
4	000815	Vũ Duy Gia	Bảo	18/10/2007	10C4	8	7	8.75	7	7.75	6.5	3.6	5.85	Đ	Đ	54.45	41
5	000820	Vũ Duy Bảo	Chấn	02/06/2007	10C4	8.05	8	9.25	7.25	8	9	5.75	8.15	Đ	Đ	63.45	26
6	000824	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	01/11/2007	10C4	9	8.75	9	8.25	9	9.5	8.5	6.75	Đ	Đ	68.75	12
7	000857	Vũ Nguyễn Linh	Đan	24/10/2007	10C4	9.25	9	9.75	8.25	9	10	7.3	8.4	Đ	Đ	70.95	6
8	000864	Trần Tiến	Đạt	04/05/2007	10C4	0	9	9.75	7.5	7	7.75	2.4	7.55	Đ	Đ	50.95	44
9	000866	Phạm Đức	Định	11/05/2007	10C4	7.25	8	9.25	6.75	8.75	8.5	7.3	7.85	Đ	Đ	63.65	25
10	000872	Bùi Hữu	Giang	18/10/2007	10C4	8.25	7.5	9	8.75	9	8.25	10	6.55	Đ	Đ	67.3	15
11	000881	Ngô Thị Thu	Hà	24/02/2007	10C4	9.05	9.25	9.25	8.5	9.75	9.75	8.3	7.55	Đ	Đ	71.4	4
12	000892	Vũ Thanh	Hằng	07/11/2007	10C4	8.75	8.5	9.25	8	6.75	9	7.1	7.25	Đ	Đ	64.6	23
13	000902	Mạc Thanh	Hiệu	02/05/2007	10C4	9.05	8.75	9.5	8	8	9	4.65	5.95	Đ	Đ	62.9	29
14	000911	Nguyễn	Hoàng	31/08/2007	10C4	7.8	8.75	9.25	6.75	3	8.75	2.6	5.75	Đ	Đ	52.65	42
15	000912	Bùi Ngọc	Hòa	26/08/2007	10C4	8.25	7.75	8.75	7.75	9	9	7.9	8.1	Đ	Đ	66.5	17
16	000922	Nguyễn Long	Huy	21/10/2007	10C4	8.75	8.25	8.75	5.5	5.75	6.75	3	5.15	Đ	Đ	51.9	43
17	000929	Nguyễn Thị Phương	Huyền	31/12/2007	10C4	9	8.25	8.5	8.25	8.75	10	8.95	7.3	Đ	Đ	69	11
18	000937	Cao Thị Thu	Hương	14/10/2007	10C4	7.25	8.5	9.5	7.25	5.75	9	7.3	8.7	Đ	Đ	63.25	27
19	000941	Trần Thị Diệu	Hương	10/11/2007	10C4	9.75	9	9.25	8	5.75	9.25	6.4	7.5	Đ	Đ	64.9	21
20	000962	Nguyễn Bảo	Lâm	16/05/2007	10C4	8.75	9	9	7.5	7.25	8.25	5.8	7.55	Đ	Đ	63.1	28
21	000970	Đỗ Thị Diệu	Linh	02/06/2007	10C4	8.5	4.25	9	6	9	9.5	6.6	7.95	Đ	Đ	60.8	34
22	000999	Đỗ Thị Phương	Mai	30/06/2007	10C4	9	8.75	8.5	8	9	9.75	8.25	6.9	Đ	Đ	68.15	14
23	001014	Nguyễn Quang	Minh	24/11/2007	10C4	6.25	6.75	7.75	6.25	6	6.5	4.6	5.15	Đ	Đ	49.25	45
24	001015	Nguyễn Tiến	Minh	04/02/2007	10C4	9.25	8.25	9.5	5	5.25	5.75	7.85	6.45	Đ	Đ	57.3	40
25	001021	Vũ Gia	Minh	23/08/2007	10C4	9.25	6.75	8.25	6.5	8	8.75	5.15	8.6	Đ	Đ	61.25	33

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐỊA	CN	TIN	VĂN	SỬ	KTPL	Toán	TA	HĐTN	GDĐP	TỔNG	XH
26	001073	Đặng Mai	Phương	17/12/2007	10C4	9.05	6.5	8.25	7.75	7.5	9.25	7.3	5.8	Đ	Đ	**61.4**	32
27	001079	Vũ Thị	Phương	25/01/2007	10C4	9.25	9.25	9.75	9	9.75	9.75	6	7.75	Đ	Đ	**70.5**	7
28	001080	Vũ Thị Lan	Phương	12/02/2007	10C4	8	9	9.25	8.5	8.75	8.25	5.8	6.55	Đ	Đ	**64.1**	24
29	001119	Cao Hữu	Thái	24/10/2007	10C4	7.05	9	9.5	7.25	9.5	9	7.7	7.7	Đ	Đ	**66.7**	16
30	001120	Cao Minh	Thái	24/09/2007	10C4	7.75	6.25	8.25	7	6.75	8.75	8.55	6.65	Đ	Đ	**59.95**	36
31	001126	Đặng Thị Huyền	Thi	04/12/2007	10C4	9.55	9	9	8.25	8.5	9.75	9.8	9.25	Đ	Đ	**73.1**	2
32	001132	Phạm Thị Minh	Thu	21/06/2007	10C4	9.55	8.75	9.5	8.25	9.25	8.5	9.2	9.2	Đ	Đ	**72.2**	3
33	001133	Bùi Phương	Thuý	08/11/2007	10C4	9.25	8.75	9.75	7.75	8.75	9.5	7.8	7.5	Đ	Đ	**69.05**	10
34	001136	Nguyễn Thu	Thủy	11/12/2007	10C4	9.25	9.25	9.75	8.75	8.5	10	9.8	9.6	Đ	Đ	**74.9**	1
35	001146	Ngô Thị	Thư	11/10/2007	10C4	9.05	8.25	9	7.25	7.5	7	6.8	5.9	Đ	Đ	**60.75**	35
36	001147	Nguyễn Thanh	Thư	16/05/2007	10C4	9.25	9	9.75	8.25	9.75	10	8.3	6.85	Đ	Đ	**71.15**	5
37	001160	Cao Thị	Trang	14/01/2007	10C4	9.8	9.25	8.25	8.25	9.75	9.5	8.8	6.9	Đ	Đ	**70.5**	7
38	001162	Hoàng Thị	Trang	07/10/2007	10C4	9.05	9.25	8.5	6.5	9.25	7.75	8.3	6.85	Đ	Đ	**65.45**	20
39	001164	Ngô Thị	Trang	05/08/2007	10C4	8.3	8.5	9.5	8	8.5	9.5	7.4	8.75	Đ	Đ	**68.45**	13
40	001167	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24/09/2007	10C4	8.75	8.75	9.25	7.75	7.25	8.5	9.1	6.55	Đ	Đ	**65.9**	18
41	001192	Bùi Đình Tuấn	Tú	01/11/2007	10C4	9.05	7.5	9.25	9	9.75	8.5	8.4	8.15	Đ	Đ	**69.6**	9
42	001202	Tăng Thị Khánh	Vân	19/08/2007	10C4	8.05	9.25	9.5	8	7.25	9.25	4.2	6.85	Đ	Đ	**62.35**	30
43	001204	Đỗ Anh	Việt	14/09/2007	10C4	8.75	6.5	7.25	6.5	5.5	9.5	8	6.2	Đ	Đ	**58.2**	38
44	001205	Trần Hoàng Đại	Việt	23/01/2007	10C4	8.05	7	9	6.75	8	9.25	8.3	8.45	Đ	Đ	**64.8**	22
45	001207	Đào Quang	Vinh	15/02/2007	10C4	10	9.25	9	7.5	7.5	9.5	6.6	6.25	Đ	Đ	**65.6**	19
46	001215	Cao Phương	Yến	17/04/2007	10C4	8.8	8.75	9.25	7.25	5.5	8.5	4.05	5.7	Đ	Đ	**57.8**	39

MÔN	ĐỊA	CN	TIN	VĂN	SỬ	KTPL	Toán	TA
TB	8.4	8.2	9	7.5	7.8	8.8	6.9	7.1